TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2019/HS-ST
Ngày: 20 -9-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH,TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cao và bà Nguyễn Thùy Hương.
- ***Thư ký phiên tòa***:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch,tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Văn Phúc, Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66 /2019/TLST-HS ngày 26 /8 /2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66 /2019/QĐXXST-HS, ngày 04 /9/2019, đối với các bị cáo:

1.**Nguyễn văn S,** sinh ngày 10/8/1978 tại huyện B, tỉnh Q**;** nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Buôn bán; đoàn thể: Đảng viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn văn Ồ và bà Dương Thị Y, vợ: Dương Thị D, con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/209 đến ngày 08/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay, có mặt.

2. **Dương Viết K**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 13/10/1970 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Tiểu khu 7, thị trấn H, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.Tôn giáo: không; đoàn thể: Quần chúng.Trình độ văn hóa: 10/12; con ông Dương văn N và bà Hoàng Thị D; vợ: Dương Thị N, con: 03 đứa, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000.Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên tại huyện B, tỉnh Q, học đến lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà, năm 1991 lập gia đình và sinh sống tại địa phương. Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưỡng án treo, về tội"Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 08/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay, có mặt.

3**. Lê Văn P**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 20/4/1974 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm ruộng. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.Tôn giáo: không; đoàn thể: Quần chúng.Trình độ văn hóa: 7/12; con ông

Lê văn T(chết) và bà Hoàng Thị S; vợ: Lê Thị H; con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 08/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay, có mặt.

4**. Lê Mạnh H**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 02/9/1977 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm ruộng. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.Tôn giáo: không; đoàn thể: Quần chúng.Trình độ văn hóa: 7/12; con ông Lê Hồng V và bà Lê Thị K; vợ: Nguyễn Thị L, con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 08/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay, có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Dương Tiến H- Tiểu khu 2, thị trấn H, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt.

+Nguyễn Thị L- Thôn D, xã H, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt.

+Đinh Hữu T- Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q, vắng mặt.

-Người làm chứng:

1.Nguyễn Thị Thu T- Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

2.Dương Đình T-Thôn 1 V, xã T, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

3.Dương Minh Đ-Thôn L, xã Tây T, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

4.Nguyễn Ngọc T-Thôn 1 V, xã T, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

4.Lê Xuân B-Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 05/6/2019 tại quán cà phê của chị Nguyễn Thị Thu T, lực lượng Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình phối hợp với Công an xã T, huyện B, tỉnh Q tiến hành kiểm tra phát hiện và bắt quả tang các đối tượng Nguyễn Văn S, Lê văn P, Dương Viết K, Lê Mạnh H đang cùng nhau đánh bạc bằng hình thức"Phỏm" ăn thua bằng tiền. Lực lượng Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại sòng bạc số tiền 7.100.000đ và toàn bộ tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra xác định, trước đó khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/6/2019 S, K, P, H đến quán của chị T để uống cà phê, khi gặp nhau S nói với mọi người" Làm tí hè", ý là rũ mọi người đánh bạc và tất cả đồng ý tham gia. Các đối tượng sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ(01 bộ màu xanh và 01 bộ màu đỏ), do chị T mua về đánh bạc với hình thức đánh phỏm và quy định người về nhất thắng cuộc và người về nhì thì phải trả cho người về nhất 20.000đ, người về thứ ba phải trả cho người về nhất 40.000đ, người về thứ tư phải trả cho người về nhất 60.000đ, người bị "Cháy"phải trả cho người về nhất số tiền 80.000đ, người nào"Ù" thì những người chơi còn lại phải trả cho người ù số tiền 100.000đ. Ngoài ra quá trình đánh sau ăn một quân bài của người đánh trước thì người bị ăn quân bài thứ nhất phải trả cho người ăn số tiền 20.000đ, nếu bị ăn quân bài thứ hai phải trả 40.000đ, bị ăn quân bài "Chốt" phải trả cho người được ăn số tiền 80.000đ, nếu người nào bị ăn cả ba quân bài ở mỗi ván đánh phải đền cho người đã ăn cả ba quân bài

số tiền 250.000đ và những người chơi còn lại không phải trả tiền cho ván đánh đó, người không có quân bài"Chủ" phải mua của người có từ hai đến bốn quân bài chủ mỗi ván đánh một quân bài chủ số tiền 80.000đ.

Quá trình đánh bạc S mang theo số tiền 1.300.000đ để đánh bạc, khi bị bắt quả tang S đang thua khoảng 300.000đ; K mang theo và sử dụng số tiền 1.120.000đ để đánh bạc, khi bị bắt quả tang K đang thắng khoảng 100.000đ; P mang theo và sử dụng số tiền 1.050.000đ để đánh bạc, khi bị bắt quả tang P đang thua khoảng 200.000đ; H mang theo và sử dụng số tiền khoảng 3.600.000đ để đánh bạc, khi bị bắt quả tang H đang thua khoảng 800.000đ. các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến khoảng 10 giờ ngày 05/6/2019 thì bị Lực lượng Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình phát hiện và bắt giữ.

Vật chứng vụ án: Thu giữ số tiền các bị cáo đã dùng vào mục đích đánh bạc là 7.100.000đ và 02 bộ bài tú lơ khơ. Thu giữ và trả lại cho S 01 xe mô tô Sirius màu đen, biển kiểm soát 73N6-4831, 01 điện thoại di động Itel màu đen, 01 ví da màu nâu và 01 giấy chứng minh nhân dân. Thu giữ và trả lại cho K 01 xe mô tô Honda màu trắng-xanh biển kiểm soát 73K8-2687, 01 điện thoại di động iphone 6 màu gold, 01 ví da màu nâu và 01 giấy chứng minh nhân dân. Thu giữ và trả lại cho P 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 01 giấy chứng minh nhân dân. Thu giữ và trả lại cho H 01 điện thoại di động Iphon 6 màu gold, 01 ví da màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân và số tiền 21.000.000đ. Thu giữ và trả lại cho chị T 01 xe mô tô Weve RSX màu trắng biển kiểm soát 73V1-9322 và 01 xe mô tô Sirius màu đen biển kiểm soát 73N1- 5114. Thu giữ và trả lại cho H 01 xe mô tô Master WH 1255 màu đỏ biển kiểm soát 73V2-5443 do không liên quan đến tội phạm.

Trong vụ án này, đối tượng Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ và đồng ý cho các bị cáo dùng quán cà phê của mình làm địa điểm đánh bạc nhưng không thu lợi từ sòng bạc nên Cơ quan điều tra đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7.500.000đ, hiện đã thi hành xong.

Bản Cáo trạng số 62/CT-VKSBT ngày 23/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố các bị cáo S, K, P, H về tội"Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo S, K, P, H đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; riêng các bị cáo S, P, H áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ"Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo K đã một lần bị kết án(dù đã được xóa án tích) nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự; xử phạt: S và K mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, P và H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung(phạt tiền) cho cả bốn bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên xử tịch thu tiêu hũy hai bộ bài tú lơ khơ; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.100.000đ các bị cáo dùng trong việc đánh bạc.

Quá trình điều tra đã thu giữ và trả lại cho các chủ sở hữu tài sản của họ do không liên quan đến tội phạm, không ai có yêu cầu gì thêm, nên không xét.

Các bị cáo S, K, P, H nói lời sau cùng: Đã thấy được hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi; xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi của các bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo S, K, P, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo S, K, P, H đã phạm tội" Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố đối với các bị cáo.

[3]Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Do ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo S, K, P, H tham gia đánh bạc tại quán chị T. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Do vậy, cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng: Không; tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng các bị cáo S, P, H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo S có bố là ông Nguyễn Văn Ồ được tặng thưởng Huân chương và Huy chương kháng chiến, bị cáo S có tham gia Quân đội, được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ giỏi và Giấy khen đã có thành tích trong công tác Đoàn; K có bố là ông Dương Cao N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, có mẹ là bà Hoàng Thị D được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; P có bố là ông Lê văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3, mẹ là bà Hoàng Thị S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến cống Pháp hạng nhì; H có bố là ông Lê Hồng V được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, cần cho các bị cáo S, K, P, H hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; riêng các bị cáo S, P, H áp dụng thêm tình tiết giảm

nhẹ”Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo K đã một lần bị kết án(dù đã được xóa án tích) nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự là có căn cứ. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chiếu cố đến nhân thân và điều kiện, hoàn cảnh của cả 4 bị cáo, số tiền dùng vào việc đánh bạc ít; các bị cáo có chổ ở ổn định, rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho gia đình phối hợp với chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Các bị cáo S, P, K, H bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 08/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn”Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, nên quy đổi trừ thời gian tạm giữ 03 ngày x3 ngày =09 ngày quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự cho mỗi bị cáo, thời gian cải tạo không giam giữ còn lại buộc các bị cáo phải thi hành(quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

Các bị cáo tham gia cùng đánh bạc nhưng không có tính tổ chức chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành. Trong đó, S là người khởi xướng, nên phải chịu trách nhiệm chính và hình phạt phải chịu cao hơn ba bị cáo K, P, H.

Không khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung(phạt tiền) cho tất cả bốn bị cáo vì cả bốn bị cáo hoàn cảnh gia đình đang khó khăn, con còn nhỏ, thu nhập thấp và không ổn định.

Trong vụ án này, đối tượng Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ và đồng ý cho các bị cáo dùng quán cà phê của mình làm địa điểm đánh bạc nhưng không thu lợi từ sòng bạc nên cơ quan điều tra đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7.500.000đ, hiện đã thi hành xong, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5]Về xữ lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc 7.100.000đ cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; tịch thu tiêu hũy hai bộ bài Tú lơ khơ là những vật không có giá trị và là công cụ phạm tội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã thu giữ và trả lại cho S 01 xe mô tô Sirius màu đen, biển kiểm soát 73N6-4831, 01 điện thoại di động Itel màu đen, 01 ví da màu nâu và 01 giấy chứng minh nhân dân. Thu giữ và trả lại cho K 01 xe mô tô Honda màu trắng-xanh biển kiểm soát 73K8-2687, 01 điện thoại di động iphone 6 màu gold, 01 ví da màu nâu và 01 giấy chứng minh nhân dân. Thu giữ và trả lại cho P 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 01 giấy chứng minh nhân dân. Thu giữ và trả lại cho H 01 điện thoại di động Iphon 6 màu gold, 01 ví da màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân và số tiền 21.000.000đ. Thu giữ và trả lại cho chị T 01 xe mô tô Weve RSX màu trắng biển kiểm soát 73V1-9322 và 01 xe mô tô Sirius màu đen biển kiểm soát 73N1- 5114. Thu giữ và trả lại cho H 01 xe mô tô Master WH 1255 màu đỏ biển kiểm soát 73V2-5443 do không liên quan đến tội phạm là có căn cứ.

[6]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Nguyễn văn S, Dương Viết K, Lê văn P, Lê Mạnh H phạm tội" Đánh bạc";

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả bốn bị cáo bị cáo S, K, P, H; riêng các bị cáo S, P, Hà căn cứ thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt**:** -Bị cáo **Nguyễn văn S 13** (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được tính trừ thời gian tạm giữ trước 03 ngày quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại buộc bị cáo S phải thi hành, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo S trong thời gian cải tạo không giam giữ.

-Bị cáo **Dương Viết K 12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được tính trừ thời gian tạm giữ trước 03 ngày quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại buộc bị cáo K phải thi hành, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Q nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Dương Viết K cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo K trong thời gian cải tạo không giam giữ.

-Bị cáo **Lê Văn P 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ,nhưng được tính trừ thời gian tạm giữ trước 03 ngày quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại buộc bị cáo P phải thi hành, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Văn P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo P trong thời gian cải tạo không giam giữ.

-Bị cáo **Lê Mạnh H 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ,nhưng được tính trừ thời gian tạm giữ trước 03 ngày quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại buộc bị cáo H phải thi hành, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Mạnh H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo H trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập và không xử phạt hình phạt bổ sung(phạt tiền) đối với cả bốn bị cáo S, K, P, H. Trong thời gian chấp hành án cả bốn bị cáo S, K, P, H phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về cải tạo không giam giữ.

2.Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.100.000đ(bảy triệu một trăm nghìn đồng); tịch thu tiêu hũy 02 bộ bài Tú lơ khơ loại 52 quân bài(một bộ màu đỏ, một bộ màu xanh) đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tiền số 0000762 ngày 03 / 9 /2019 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 /9/2019.

3.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo S, K, P, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(20/9/2019); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-V. K.S N.D huyện Bố Trạch;
-VKSND tỉnh Quảng Bình;
-Thi hành án phạt tù;
-Công an huyện Bố Trạch(3);
-Phòng PV 06-CA tỉnh Quảng Bình;
-Chi cục THA DS Bố Trạch;
-Các bị cáo S, K, P, H;
-Người tham gia tố tụng khác;
-Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
-UBND xã T;
-UBND xã H;
-UBND thị trấn H;
-Lưu hồ sơ;Lưu V.P Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân